TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số:84/2017/DS – PT
Ngày: 22- 12 - 2017
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Như Hiển
- ***Các Thẩm phán*:** Bà Phạm Thị Minh Hiền
  Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang*:** Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên toà

Ngày 22 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLPT- DS ngày 11/10/2017, về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DS – ST ngày 25/8/2017 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2017/QĐ – PT ngày 25/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị S1, sinh năm: 1959; HKTT: phố Yk, phường NQ, thành phố H, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phùng Chí K1, sinh năm 1961.

Tên gọi khác: Phùng Văn K1

Địa chỉ: đường LL, phường HVT, thành phố H, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn NL, xã SM, thành phố H, tỉnh Bắc Giang theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2017 (chị H1 có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1960; Địa chỉ: đường LL, phường HVT, thành phố H, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- Ông Đinh Văn M1, sinh năm 1958; HKTT: phố Yk, phường NQ, thành phố H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt, ủy quyền cho vợ là Hoàng Thị Sáng, bà S1 có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Hoàng Thị S1, Bị đơn Ông Phùng Chí K1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị S2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là Bà Hoàng Thị S1 trình bày: Do mối quan hệ quen biết giữa bà và vợ chồng Ông Phùng Chí K1. Gia đình ông K1 kinh doanh nên cần vốn để làm ăn. Do thiếu vốn nên vợ chồng ông K1 có nhiều lần vay tiền của bà, cụ thể:

- Ngày 01/11/2012 vay số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).
- Ngày 01/11/2012 vay tiếp số tiền 310.000.000đồng (Ba trăm mười triệu đồng)
- Ngày 21/11/2012 vay số tiền 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng)
- Ngày 13/4/2013 vay số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).
- Ngày 01/11/2013 vay số tiền 700.000.000đồng (Bẩy trăm triệu đồng).

Tổng số tiền gia đình ông K1 đã vay của bà là: 2.180.000.000đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).

Khi vay tiền ông K1 là người viết giấy vay tiền và ký giấy vay tiền. Vì gia đình ông K1 đang kinh doanh và vay với mục đích kinh doanh nên bà không yêu cầu vợ ông K1 là bà S2 phải ký giấy vay nợ cùng ông K1. Khi viết giấy vay tiền các bên thỏa thuận lãi bằng miệng, không thỏa thuận trong văn bản. Có giấy vay tiền bà và ông K1 thỏa thuận thời gian thanh toán, có giấy không thỏa thuận thời gian. Sau khi vay tiền đến hạn thanh toán ông K1, bà S2 không thanh toán cho bà như đã thỏa thuận, bà có nhiều lần đến đòi tiền nhưng đến nay ông K1, bà S2 vẫn chưa thanh toán cho bà được một đồng tiền gốc và tiền lãi nào. Nay bà yêu cầu ông K1 và bà S2 phải thanh toán cho bà số tiền nợ gốc là 2.180.000.000đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay.

Khi ký cho vay tiền thì bà là người đứng ra cho vay và là tiền riêng của cá nhân bà tích cóp được mà có không liên quan gì đến chồng bà là Ông Đinh Văn M1. Mặc dù, bà S2 không ký vào giấy vay tiền nhưng bà yêu cầu buộc bà S2 phải có nghĩa vụ trả nợ cùng ông K1 vì ông K1 vay tiền bà với mục đích kinh doanh.

Ngày 18/7/2017 bà S1 xin rút yêu cầu buộc bà S2 phải có trách nhiệm cùng ông K1 trả nợ cho bà.

Tại bản khai ngày 16/6/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là Ông Phùng Chí K1 trình bày: Do mối quan hệ quen biết giữa ông và Bà Hoàng Thị S1 và do cần vốn để làm ăn kinh doanh nên ông có vay tiền của bà S1 nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 01/11/2012 vay của bà S1 số tiền 1.000.000.000đồng (Một tỷ đồng).

- Ngày 01/11/2012 vay của bà S1 số tiền 310.000.000đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

- Ngày 21/11/2012 vay của bà S1 số tiền 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

- Ngày 13/4/2013 vay của bà S1 số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Ngày 01/11/2013 vay của bà S1 số tiền 700.000.000đồng (Bẩy trăm triệu đồng).

Tổng số tiền là: 2.180.000.000đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).

Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng từ 2.500đồng- 3.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Số tiền 01 tỷ đồng ông vay ngày 01/11/2012 bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi nhưng ông không nhớ là gốc bao nhiêu, lãi bao nhiêu và không có chứng cứ gì về việc có cả tiền lãi trong giấy vay tiền đó. Khi viết giấy và ký giấy vay tiền thì chỉ có một mình ông, vợ ông là bà S2 không ký giấy vay tiền. Ông vay tiền bà S1 với mục đích làm ăn, kinh doanh.

Nay bà S1 khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông phải trả số tiền 2.180.000.000đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), ông đồng ý trả cho bà S1 số tiền 2.180.000.000đồng đã nợ nhưng do điều kiện khó khăn và bệnh tật ông chưa có tiền để trả bà S1, khi nào ông khỏe lại ông sẽ đi làm để trả dần cho bà S1. Còn vợ ông không liên quan gì đến khoản nợ trên, sau khi bà S1 khởi kiện đến Tòa án thì vợ ông mới biết.

Tại bản tường trình ngày 11/4/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Đinh Văn M1 trình bày: Do thiếu vốn làm ăn nên gia đình ông K1 có vay tiền của vợ ông là Bà Hoàng Thị S1 nhiều lần, tổng số tiền vợ chồng ông K1 vay của bà S1 là 2.180.000.000đồng. Số tiền trên là tiền riêng của vợ ông, không liên quan gì đến ông, vợ ông có cho vợ chồng ông K1 vay sau đó mới nói lại cho ông biết. Ông không có liên quan gì đến số tiền nêu trên. Do vậy, việc khởi kiện đòi tiền của vợ ông tại Tòa án không liên quan gì đến ông và ông xin phép không đến Tòa án làm việc, ông không có đề nghị hoặc khiếu nại gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị S2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến nộp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc, hòa giải và cung cấp chứng cứ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ngày 11/8/2017 Tòa án mở phiên tòa nhưng do Ông Phùng Chí K1, Bà Nguyễn Thị S2, Ông Đinh Văn M1 vắng mặt không có lý do, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên và trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Ông Phùng Chí K1 và Bà Nguyễn Thị S2 phải trả bà số tiền đã vay là 2.180.000.000đồng, do ông K1 hoàn cảnh khó khăn nên bà không yêu cầu tính lãi. Bà yêu cầu bà S2 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà cùng ông K1 vì ông K1 vay tiền bà với mục đích kinh doanh phát triển kinh tế gia đình, khi ông K1 làm ăn được thì bà S2 cũng cùng chi tiêu chung. Mặc dù, bà S2 không ký giấy vay tiền nhưng bà S2 đã nhiều lần đối chiếu nợ và chốt tiền cát sỏi của ông K1 với bà nay bà S2 cùng phải có nghĩa vụ đối với khoản nợ của bà.

Bị đơn là Ông Phùng Chí K1 trình bày: Ông thừa nhận có vay bà S1 số tiền 2.180.000.000đồng như bà S1 khởi kiện là đúng, từ khi vay đến nay do làm ăn thua lỗ, ông chưa trả cho bà S1 được đồng nào. Ông đồng ý trả tiền cho bà S1 nhưng do điều kiện khó khăn, bản thân bệnh tật ông chưa có tiền trả, khi nào ông khỏi bệnh ông sẽ đi làm trả dần cho bà S1. Ông không đồng ý việc bà S1 yêu cầu buộc vợ ông là bà S2 phải trả nợ cùng ông vì bà S2 không biết gì về việc vay nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà S2 vắng mặt.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2017/DSST ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Căn cứ Điều 163; Điều 169; Điều 197; Điều 256; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc Ông Phùng Chí K1 (tức Phùng Văn K1) và Bà Nguyễn Thị S2 có nghĩa vụ trả cho Bà Hoàng Thị S1 số tiền 2.180.000.000đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc Ông Phùng Chí K1 (tức Phùng Văn K1) và Bà Nguyễn Thị S2 phải chịu 75.600.000đồng (Bẩy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Bà Hoàng Thị S1 số tiền 19.800.000đồng (mười chín triệu tám trăm ngìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/ 06174 ngày 11/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 05/9/2017 nguyên đơn Bà Hoàng Thị S1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc bản án sơ thẩm không tính tiền lãi trên nợ gốc 1.010.000.000 đồng

Ngày 08/9/2017 bị đơn Ông Phùng Chí K1 kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo. Ông K1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc Bản án sơ thẩm tuyên bà S2 phải có trách nhiệm cùng ông trả tiền cho bà S1 và kháng cáo về việc chịu lãi suất chậm thi hành án tuyên trong bản án.

Ngày 08/9/2017, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị S2 kháng cáo bản án sơ thẩm về việc buộc bà phải cùng ông K1 có trách nhiệm trả bà S1 tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn Bà Hoàng Thị S1 trình bày: Ngày 20/9/2017 bà đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo trước khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án. Nay bà vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút toàn bộ kháng cáo của mình, bà đồng ý với bản án sơ thẩm xử. Bà không đồng ý với kháng cáo của bị đơn ông K1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà S2. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Phùng Chí K1 trình bày: Ông K1 không đồng ý với bản án sơ thẩm buộc vợ ông là bà S2 cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà S1 vì năm 2012 – 2013 ông K1 vay tiền của bà S1 là vay cá nhân không liên quan gì đến bà S2. Năm 2012 – 2013 ông K1 làm đội trưởng một đội thi công của Công ty xây dựng số 1 Bắc Giang nên ông phải chịu trách nhiệm độc lập việc sản xuất của đội. Do cần vốn để sản xuất kinh doanh nên ông K1 vay tiền của bà S1 để thi công công trình của ông K1 chứ không đóng góp phát triển kinh tế gia đình vì bà S2 có kinh tế riêng. Việc ông K1 vay tiền của bà S1 như thế nào Bà Nguyễn Thị S2 không biết, ông K1 kinh doanh làm ăn riêng, kinh tế riêng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S1 buộc bà S2 có nghĩa vụ cùng trả nợ với ông K1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị S2 trình bày:

Bà không biết gì về việc bà S1 cho ông K1 vay tiền như thế nào. Chỉ đến khi Tòa án gọi thì bà mới biết bà S1 cho ông K1 vay lãi.

Ông K1 làm nghề xây dựng nên trước kia có nhờ bà đối chiếu công nợ giữa ông K1 với bà S1 chứ thực sự bà không liên quan gì đến các khoản nợ của ông K1 với bà S1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung:

Bà S2 và ông K1 là vợ chồng, ông K1 vay tiền của bà S1 để sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế gia đình nên bà S2 phải có nghĩa vụ trả nợ cùng ông K1 cho bà S1. Bản án sơ thẩm xử đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Phùng Chí K1 kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S2. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Bà Hoàng Thị S1 rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Bà Hoàng Thị S1. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn bà Hoàng Thị S1 rút yêu cầu kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Hoàng Thị S1.

[2] Xét kháng cáo của Ông Phùng Chí K1 và kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S2 về việc bản án tuyên buộc bà S2 có nghĩa vụ cùng trả nợ với ông K1 cho bà S1 là không đúng thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Phùng Chí K1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị S2 đều thừa nhận ông K1 vay tiền bà S1 trong thời kỳ vợ chồng ông K1, bà S2 là vợ chồng chung sống bình thường, ông K1 và bà S1 không có chế độ tài sản riêng vợ chồng. Ông K1 vay tiền bà S1 để sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm xử xác định vợ chồng Bà Nguyễn Thị S2 và Ông Phùng Chí K1 có nghĩa vụ chung trong việc trả nợ cho bà Nguyễn Thị Sáng là có căn cứ.

Mặt khác tại Biên bản xác minh tiến hành ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang với Công ty cổ phần xây dựng số 1 Bắc Giang, Công ty xác định ông Phùng Chí K1 là công nhân hợp đồng không xác định thời hạn của Công ty, tự nhận khoán sản phẩm chứ không hưởng lương. Như vậy, có căn cứ xác định ông K1 vay tiền bà S1 để sản xuất kinh doanh phát triển kinh tế chung gia đình. Vợ chồng ông K1, bà S2 chứ không phải làm kinh tế riêng của ông K1 như ông K1 và bà S2 khai.

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện trước năm 2012 mọi công nợ của ông K1 với bà S1 đều được bà S2 vợ ông K1 đối chiếu thông quá.

Do vậy, Bản án sơ thẩm xử buộc Ông Phùng Chí K1, Bà Nguyễn Thị S2 có trách nhiệm liên đới trả tiền cho bà S1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị S2 và Ông Phùng Chí K1. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Vì không được chấp nhận kháng cáo nên căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Ông Phùng Chí K1, Bà Nguyễn Thị S2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị S1.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Phùng Chí K1, Bà Nguyễn Thị S2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điều 163; Điều 169; Điều 197; Điều 256; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 37 luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 148; Điều 295; Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26, khoản 1, khoản 4 Điều 29 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Buộc Ông Phùng Chí K1 (tức Phùng Văn K1) và Bà Nguyễn Thị S2 có nghĩa vụ trả cho Bà Hoàng Thị S1 số tiền 2.180.000.000đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Ông Phùng Chí K1 (tức Phùng Văn K1) và Bà Nguyễn Thị S2 phải chịu 75.600.000đồng (Bẩy mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Bà Hoàng Thị S1 số tiền 19.800.000đồng (mười chín triệu tám trăm ngìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/ 06174 ngày 11/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

3 Án phí dân sự phúc thẩm.

Buộc Bà Hoàng Thị S1 phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06338 ngày 05/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Bắc Giang. Hoàn trả Bà Hoàng Thị S1 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Buộc Ông Phùng Chí K1 (tức Phùng Văn K1) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06350 ngày 08/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Bắc Giang.

Buộc Bà Nguyễn Thị S2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/06349 ngày 08/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Như Hiển